



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO
KHOA HÒA PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258
- Website: www.inhoaphat.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 94 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014
• Ông Phan Quang Thân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Ông Lê Bích Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 Miễn nhiệm ngày 02/03/2014

Ban Kiểm soát

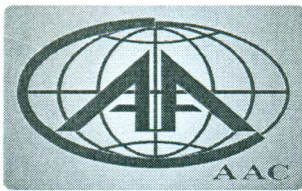
• Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2014
• Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 Miễn nhiệm ngày 02/03/2014
• Ông Nguyễn Phước Cao Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014
• Ông Bùi Văn Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014
• Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 Miễn nhiệm ngày 02/03/2014
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 Miễn nhiệm ngày 02/03/201

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/06/2014
• Ông Nguyễn Như Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 244/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/02/2015, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.976.607.386	8.612.277.020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.356.374.881	143.140.352
1. Tiền	111		356.374.881	143.140.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	5.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	4.500.000.000	5.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.140.088.395	1.921.011.908
1. Phải thu khách hàng	131		3.073.236.224	1.853.520.365
2. Các khoản phải thu khác	135	7	109.234.671	101.324.043
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.382.500)	(33.832.500)
IV. Hàng tồn kho	140		930.533.458	1.030.140.401
1. Hàng tồn kho	141	8	930.533.458	1.030.140.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.610.652	17.984.359
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.996.821	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.621.631	6.717.526
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	12.992.200	11.266.833
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.368.758.272	12.800.414.610
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.260.968.998	5.673.882.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.651.828.998	5.064.742.542
- Nguyên giá	222		24.989.221.514	24.371.657.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.337.392.516)	(19.306.915.336)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	7.097.849.309	7.110.730.429
1. Đầu tư dài hạn khác	258		7.143.095.829	7.190.095.829
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.246.520)	(79.365.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.939.965	15.801.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.939.965	15.801.639
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.345.365.658	21.412.691.630

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.921.323.983	1.595.156.665
I. Nợ ngắn hạn	310		1.921.323.983	1.595.156.665
1. Phải trả người bán	312		516.458.116	639.065.652
2. Người mua trả tiền trước	313		10.422.344	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	119.097.397	173.837.690
4. Phải trả người lao động	315		816.740.126	628.279.009
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	458.569.671	87.655.065
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		36.329	66.319.249
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.424.041.675	19.817.534.965
I. Vốn chủ sở hữu	410		20.424.041.675	19.817.534.965
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	18.049.800.000	18.049.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	414	16	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	975.982.823	975.982.823
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	938.365.170	938.365.170
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	1.434.340.928	827.834.218
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.345.365.658	21.412.691.630



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đĩnh Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	13.945.327.364	12.826.880.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	13.945.327.364	12.826.880.981
4. Giá vốn hàng bán	11	18	11.483.963.525	10.631.281.835
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.461.363.839	2.195.599.146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.431.932.915	1.284.514.368
7. Chi phí tài chính	22	20	15.372.028	(161.654.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.490.908	-
8. Chi phí bán hàng	24		69.209.772	62.480.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.126.609.693	2.288.591.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.682.105.261	1.290.695.404
11. Thu nhập khác	31	21	223.934.425	28.135.787
12. Chi phí khác	32	22	111.297.295	76.294.630
13. Lợi nhuận khác	40		112.637.130	(48.158.843)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	1.794.742.391	1.242.536.561
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	365.445.681	261.220.770
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	1.429.296.710	981.315.791
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	869	596



Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	14.459.789.033	14.856.290.311
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(5.847.732.517)	(5.528.752.617)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.715.415.982)	(5.921.502.996)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.490.908)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(425.180.036)	(286.300.379)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	491.964.258	154.146.439
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.308.066.000)	(2.401.645.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	652.867.848	872.235.308
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(673.200.000)	(195.131.620)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(7.156.084.953)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	900.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.054.979.181	1.255.811.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.381.779.181	(5.165.405.291)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	429.056.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(429.056.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(821.412.500)	(657.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(821.412.500)	(657.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.213.234.529	(4.950.299.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	143.140.352	5.093.440.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.356.374.881	143.140.352



Giám đốc

[Signature]
Ng Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

[Signature]
Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

[Signature]
Lê Quang Đình Thịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán

M.S.D.N.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2013 không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	40.105.383	12.326.135
Tiền gửi ngân hàng	316.269.498	130.814.217
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.000.000.000	-
Cộng	1.356.374.881	143.140.352

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay (i)	3.500.000.000	3.700.000.000
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng (ii)	1.000.000.000	1.800.000.000
Cộng	4.500.000.000	5.500.000.000

(i) Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo 2 hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 01/2013/HĐVV/NXBGDVN-HTP ngày 12/09/2013 với số tiền: 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 13/09/2013, lãi suất cho vay là 10,5%. Ngày 15/09/2014, hai bên cùng thống nhất điều chỉnh Hợp đồng này tại Phụ lục hợp đồng vay vốn số 10-2014/PL-HĐVV về việc thay đổi mức lãi suất cho vay là 8,8%.
- Hợp đồng cho vay số 01/2013/HĐVV/HTP ngày 30/06/2011 với số tiền: 1.600.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền cho vay sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 31/12/2014, khoản cho vay tự chuyển qua kỳ hạn mới với số tiền: 500.000.000 đồng, lãi suất cho vay mới là 8,8%.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTG ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2014, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất mới là: 6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTG ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/12/2014, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.400.000	1.400.000
Cổ tức phải thu	37.500.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	20.743.056	69.912.499
Phải thu khác	49.591.615	30.011.544
Cộng	109.234.671	101.324.043

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	750.791.697	847.354.243
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	142.719.257	181.684.786
Hàng hóa	37.022.504	1.101.372
Cộng	930.533.458	1.030.140.401

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	12.992.200	11.266.833
Cộng	12.992.200	11.266.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.151.652.083	515.413.858	24.371.657.878
Mua sắm trong năm	-	-	617.563.636	617.563.636
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	5.704.591.937	18.151.652.083	1.132.977.494	24.989.221.514
Khấu hao				
Số đầu năm	3.325.128.086	15.466.373.392	515.413.858	19.306.915.336
Khấu hao trong năm	353.684.882	676.792.298	-	1.030.477.180
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	3.678.812.968	16.143.165.690	515.413.858	20.337.392.516
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.379.463.851	2.685.278.691	-	5.064.742.542
Số cuối năm	2.025.778.969	2.008.486.393	617.563.636	4.651.828.998

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.990.716.201 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	31/12/2014 VND	Số lượng	31/12/2013 VND
Cho vay dài hạn		6.576.183.229		6.576.183.229
- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (i)		6.576.183.229		6.576.183.229
Đầu tư cổ phiếu	37.508	566.912.600	48.108	613.912.600
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học TP. HCM (STC)	24.000	375.152.000	24.000	375.152.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS)	308	7.414.800	308	7.414.800
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (DAD)	4.200	94.345.800	4.200	94.345.800
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Quảng Ngãi	6.000	60.000.000	6.000	60.000.000
- Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Trung (ii)	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	-	-	10.600	47.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(45.246.520)		(79.365.400)
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học TP. HCM (STC) (iii)		-		(7.952.000)
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (iii)		(4.704.400)		(4.827.600)
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (DAD) (iii)		(27.985.800)		(19.585.800)
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội		-		(47.000.000)
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Quảng Ngãi (iv)		(12.556.320)		-
Cộng		7.097.849.309		7.110.730.429

(i) Hợp đồng cho vay số 01/2012/HĐVV/NXBGDVN-HTP ngày 04/06/2012 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, hạn mức cho vay: 6.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng. Đến ngày 31/12/2014, Công ty cho vay theo các phụ lục hợp đồng sau:

- Phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐVV ngày 11/10/2012 với số tiền 1.795.678.785 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 11/10/2012 – 11/10/2015, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐVV ngày 11/12/2012 với số tiền 624.419.491 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 11/12/2012 – 11/12/2015, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 03/PL-HĐVV ngày 14/01/2013 với số tiền 759.091.330 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 14/01/2013 – 14/01/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 04/PL-HĐVV ngày 07/02/2013 với số tiền 1.300.550.472 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 07/02/2013 – 07/02/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 05/PL-HĐVV ngày 27/04/2013 với số tiền 824.045.536 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 27/04/2013 – 27/04/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 06/PL-HĐVV ngày 23/10/2013 với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 23/10/2013 – 23/10/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 07/PL-HĐVV ngày 29/11/2013 với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 29/11/2013 – 29/11/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 08/PL-HĐVV ngày 09/12/2013 với số tiền 72.397.615 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 09/12/2013 – 09/12/2016, lãi suất cho vay 11%.

(ii) Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2014. Đồng thời, BCTC tại các công ty này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- (iii) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giữa giá gốc và giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại phiên đóng cửa cuối cùng của năm 2014 với số lượng các cổ phiếu công ty đang nắm giữ.
- (iv) Cơ sở trích lập dự phòng đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị trường học Quảng Ngãi dựa vào phân bổ vốn đầu tư tại ngày 31/12/2014 mà Công ty đã đầu tư vào công ty này.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.939.965	15.801.639
Cộng	9.939.965	15.801.639

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	119.097.397	135.143.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	38.693.711
Cộng	119.097.397	173.837.690

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	18.283.363	26.428.113
Phải trả về cổ phần hóa	1.400.000	1.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	438.886.308	59.826.952
- <i>Cổ tức phải trả</i>	9.059.500	7.682.000
- <i>Phải trả khác</i>	429.826.808	52.144.952
Cộng	458.569.671	87.655.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	975.982.823	889.299.380	799.145.165
Tăng trong năm	-	-	-	-	49.065.790	981.315.791
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	952.626.738
Số dư tại 31/12/2013	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>975.982.823</u>	<u>938.365.170</u>	<u>827.834.218</u>
Số dư tại 01/01/2014	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	975.982.823	938.365.170	827.834.218
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.429.296.710
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	822.790.000
Số dư tại 31/12/2014	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>975.982.823</u>	<u>938.365.170</u>	<u>1.434.340.928</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	<u>18.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu thường	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	159.400	159.400
- Cổ phiếu thường	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu thường	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	827.834.218	799.145.165
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.429.296.710	981.315.791
Phân phối lợi nhuận	822.790.000	952.626.738
Phân phối lợi nhuận năm trước	822.790.000	658.232.000
- Trả cổ tức	822.790.000	658.232.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	294.394.738
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	-	49.065.790
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (25%)	-	245.328.948
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>1.434.340.928</u>	<u>827.834.218</u>

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/ĐHCD ngày 02/03/2014 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2014.

17. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	13.945.327.364	12.826.880.981
+ Doanh thu in ấn, cắt rọc	11.639.689.253	10.734.194.780
+ Doanh thu khác	2.305.638.111	2.092.686.201
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>13.945.327.364</u>	<u>12.826.880.981</u>

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	9.530.780.677	9.814.619.960
Giá vốn hoạt động khác	1.953.182.848	816.661.875
Cộng	<u>11.483.963.525</u>	<u>10.631.281.835</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.348.108.183	1.261.706.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.886.400	22.808.000
Chiết khấu thanh toán	2.938.332	-
Cộng	1.431.932.915	1.284.514.368

20. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	2.490.908	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.881.120	(161.654.000)
Cộng	15.372.028	(161.654.000)

21. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-	27.272.727
Thu nhập từ bán phế liệu	35.362.597	836.362
Thu nhập từ giấy tiết kiệm	188.571.828	-
Thu nhập khác	-	26.698
Cộng	223.934.425	28.135.787

22. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	53.670.000	16.200.000
Chi phí khác	57.627.295	60.094.630
Cộng	111.297.295	76.294.630

JA00
C
T
EM TO
A
I CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.794.742.391	1.242.536.561
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	32.486.015	53.486.630
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	113.372.415	76.294.630
Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	80.886.400	22.808.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.827.228.406	1.296.023.191
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	365.445.681	261.220.770
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.429.296.710	981.315.791

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.429.296.710	981.315.791
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.429.296.710	981.315.791
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	869	596

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.351.687.063	3.440.589.145
Chi phí nhân công	6.844.346.768	6.522.061.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.477.180	1.323.060.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.487.782.820	282.254.090
Chi phí khác bằng tiền	297.737.767	1.366.759.457
Cộng	12.012.031.598	12.934.724.564

26. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

100%
JNG
N.I
ÁN V
A
U-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch ngoại tệ, giao dịch đi vay không đáng kể, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	516.458.116	-	516.458.116
Phải trả khác	440.286.308	-	440.286.308
Cộng	956.744.424	-	956.744.424
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	639.065.652	-	639.065.652
Phải trả khác	61.226.952	-	61.226.952
Cộng	700.292.604	-	700.292.604

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về tính thanh khoản. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền để đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.356.374.881	-	1.356.374.881
Đầu tư tài chính	4.500.000.000	7.097.849.309	11.597.849.309
Phải thu khách hàng	3.030.853.724	-	3.030.853.724
Phải thu khác	109.234.671	-	109.234.671
Cộng	8.996.463.276	7.097.849.309	16.094.312.585
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.140.352	-	143.140.352
Đầu tư tài chính	5.500.000.000	7.110.730.429	12.610.730.429
Phải thu khách hàng	1.819.687.865	-	1.819.687.865
Phải thu khác	101.324.043	-	101.324.043
Cộng	7.564.152.260	7.110.730.429	14.674.882.689

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	9.552.770.750	9.501.893.312
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	495.680.172	495.036.758
Mua hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	81.837.502	7.509.058
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	378.979.900	105.691.361
Thu hồi nợ cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	200.000.000	900.000.000
Lãi cho vay			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	1.185.684.845	887.183.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	1.814.835.928	985.097.717
Phải trả			
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	10.261.668	-
Phải thu về nợ gốc cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	3.500.000.000	3.700.000.000
Phải thu về nợ gốc cho vay dài hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	6.576.183.229	6.576.183.229
Phải thu về lãi cho vay			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	624.086.446	238.401.601

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương và thưởng của Ban Giám đốc	529.917.603	531.809.692
Thù lao của Hội đồng quản trị	81.030.000	40.957.400
Cộng	610.947.603	572.767.092

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 2 năm 2015

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thịnh

